

Đơn vị: Trường ĐH Kinh tế và QTKD

Mã số: 1045419

Biểu 03:



**CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU HỌC PHÍ
ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 746/QĐ-ĐHKT&QTKD-KHTC ngày 26 / 6 /2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

A. HỌC PHÍ

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/người học/năm	Lộ trình tăng/giảm học phí (%/năm)	Dự kiến học phí/người học của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà				
1.	Tiến sĩ				
	- Đào tạo trong nước khóa 17 trở về trước	Triệu đồng	36,25	10%	168,24
	- Liên kết quốc tế	USD/năm	2300	Do thỏa thuận	6.900,00
2.	Thạc sĩ				
	- Đào tạo trong nước bằng Tiếng Việt khóa 22 trở về trước	Triệu đồng	21,75	10%	100,94
	- Đào tạo trong nước bằng tiếng Anh	Triệu đồng	39	10%	181,00
	- Đào tạo liên kết quốc tế (OUG)	USD/năm	1.400	Do thỏa thuận	2.000,00
	- Đào tạo liên kết quốc tế (CSU)	USD/năm	1.600	Do thỏa thuận	2.500,00
3.	Đại học				
3.1	CTĐT trình độ ĐHCQ tiêu chuẩn (CTĐT 4 năm; LTTC lên ĐH; LTCĐ lên ĐH và VB chính quy)				
	- Khóa K19	Triệu đồng	15	12,5%	72,22
	- Khóa K20	Triệu đồng	14,5	10%	67,29
	- Khóa K21, K22, trong đó:	Triệu đồng			
	+ Khối ngành III: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh số, Thương mại điện tử, Quản trị Marketing; Digital Marketing; Kinh doanh quốc tế; Tài chính Ngân hàng; Tài chính doanh nghiệp; Công nghệ tài chính; Kế toán; Kế toán Kiểm toán; Quản lý kinh tế; Quản trị nhân lực; Luật Kinh tế.	Triệu đồng	15,56	12,5%	74,91



Thư ký

	+ Khối ngành V: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Khoa học dữ liệu.	Triệu đồng	16,32	12,9%	79,03
	+ Khối ngành VII:				
	Quản trị kinh doanh KSDL	Triệu đồng	16	13%	77,60
	Kinh tế, Kinh tế số, Kinh tế phát triển, Kinh tế đầu tư.	Triệu đồng	15,56	12,5%	74,91
3.2	<i>CTĐT trình độ Đại học CLC, dạy và học bằng Tiếng Anh</i>				
	- Khoá 18	Triệu đồng	7,04	10,0%	99,63
	- Khoá 19 trong đó:	Triệu đồng		10,0%	
	+ Ngành: TCNH, QTKD, QTDL&KS	Triệu đồng	23,936		98,98
	+ Ngành: KTTH	Triệu đồng	26,752		99,68
	- Khoá 20	Triệu đồng	30,906	10,0%	108,22
	- Khoá 21	Triệu đồng			
	+ Ngành: TCNH, QTKD, Marketing, KTTH	Triệu đồng	26,9	10,0%	108,84
	+ Ngành: DLKS	Triệu đồng	26,97	10,0%	108,84
	- Khoá 22 (năm thứ nhất học Tiếng Anh dự bị)	Triệu đồng	18	10,0%	114,86
II	Học phí hình thức vừa làm vừa học/đào tạo từ xa				
1.	Hình thức VLVH				
	Đại học	Triệu đồng	21	13,9%	103,19
	Văn bằng 2	Triệu đồng	21	13,9%	44,92
	Liên thông cao đẳng lên ĐH	Triệu đồng	21	13,9%	44,92
	Liên thông trung cấp lên ĐH	Triệu đồng	21	13,9%	58,10
2.	Hình thức đào tạo từ xa				
p	Đại học	Triệu đồng	15,56	12,5%	87,01
	Văn bằng 2	Triệu đồng	15,56	12,5%	33,07
	Liên thông cao đẳng lên ĐH	Triệu đồng	15,56	12,5%	33,07
	Liên thông trung cấp lên ĐH	Triệu đồng	15,56	12,5%	42,62

B. LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC



Nguyễn